

Phẩm 75: KHÔNG TẬP (1)

Bấy giờ, Cù thọ Thiện Hiện bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, làm sao ở trong pháp không tự tướng, không tập, không tướng có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, tại sao trong tất cả pháp không sai biệt mà tạo ra sai biệt, làm cách nào để biết rõ tướng sai biệt của các pháp như vậy, làm sao ở trong Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể giữ lấy tất cả sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy cho đến giữ lấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, vì sao ở trong tất cả pháp có tướng khác nhau tạo ra một tướng được gọi là không tướng và ở trong pháp không tướng, một tướng tạo ra tướng sai biệt của tất cả các pháp?

Phật bảo:

– Nay Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát an trú trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quang năng, như huyễn, như hóa, vì các hữu tình bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tu định, học tuệ, biết rõ như thật về năm uẩn như mộng, như huyễn hóa đều cùng một tướng gọi là không tướng. Vì sao vậy? Mộng cho đến huyễn hóa đều không tự tánh. Pháp nào không có tự tánh thì là pháp không tướng. Pháp nào không tướng chính là pháp một tướng được gọi là không tướng. Vì lý do này nên biết tất cả người thí, người nhận, vật thí, tánh thí, quả thí, duyên thí đều cùng không tướng. Ai biết như vậy mà thực hành bố thí thì có thể làm viên mãn pháp Bố thí ba-la-mật-đa, nếu có thể viên mãn pháp Bố thí ba-la-mật-đa thì không xa lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lực, Bát-nhã ba-la-mật-đa. An trú vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì có thể viên mãn bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể viên mãn ba pháp môn giải thoát; cũng có thể viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể viên mãn Thánh đế, khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể viên mãn các địa Bồ-tát; cũng có thể viên mãn năm trăm tất cả pháp môn Đà-la-ni, năm trăm tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể viên

mãn năm loại mắt, sáu phép thân thông; cũng có thể viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Đại Bồ-tát này an trú trong quả báu các pháp Thánh vô lậu, có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương dùng vô số loại phẩm vật vi diệu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, làm cho các hữu tình được lợi ích, an lạc. Người cần dùng Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ vị ấy liền dùng Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ, người cần dùng các loại pháp lành khác để giúp đỡ vị ấy liền dùng các loại pháp lành khác để giúp đỡ. Đại Bồ-tát này thành tựu tất cả căn lành thù thắng, hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, tuy chịu sinh tử nhưng không bị tai họa sinh tử làm ô nhiễm. Vì muốn làm lợi lạc cho hữu tình nên nhận lấy sự giàu có tự tại của trời, người. Nhờ oai lực của sự giàu có tự tại này vị ấy có thể làm các việc lợi ích cho hữu tình, dùng bốn Nhiếp sự để giúp đỡ họ. Nhờ biết tất cả pháp đều không tướng, tuy biết quả Dự lưu nhưng Đại Bồ-tát này không trú vào quả Dự lưu cho đến tuy biết Độc giác Bồ-đề nhưng không trụ Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này đã biết rõ như thật về tất cả các pháp, vì muốn chứng đắc trí Nhất thiết trí, nên không đứng chung với tất cả Thanh văn, Độc giác.

Như vậy Thiện Hiện, do biết tất cả pháp đều không tướng nên các Đại Bồ-tát này biết rõ như thật là sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bồ thí... và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều không tướng. Nhờ lý do này vị ấy có thể viên mãn tất cả Phật pháp liền có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng, như ảnh, như quang năng, như huyễn, như hóa, viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật về năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa, thì liền có thể viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng. Tịnh giới này không khuyết, không rò rỉ, không tỳ vết, không dơ bẩn, không chỗ chấp trước, đáng được cúng dường, được người trí ca ngợi, khéo léo thọ trì, hoàn toàn rốt ráo, là vô lậu

của bậc Thánh, là đạo lộ xuất thế gian nắm giữ. An trú vào giới này thì có thể thọ trì tất cả các giới như là giới kiến lập, giới tự nhiên, đặc giới luật nghi, giới hữu biểu, giới vô biểu, giới hiện hành, giới không hiện hành, giới oai nghi, giới không oai nghi. Tuy thành tựu đầy đủ các giới như vậy nhưng Đại Bồ-tát này không chấp trước đối với các pháp và không nghĩ rằng: “Nhờ giới này ta sẽ sinh vào các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ được giàu sang, tự tại.” Vị ấy không nghĩ thế này: “Nhờ giới này ta sẽ làm tiểu vương, hoặc làm đại vương hoặc làm Luân vương, hoặc làm đại thần giàu sang tự tại.” Vị ấy không nghĩ rằng: “Nhờ giới này ta sẽ sinh làm trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại giàu sang tự tại.” Vị ấy không nghĩ rằng: “Nhờ giới này ta sẽ được quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai hoặc quả Bất hoàn hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề hoặc nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, hoặc chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, hoặc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.” Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều đồng một tướng được gọi là không tướng, không trụ, không đặc. Pháp không tướng không thể chứng đắc không tướng. Pháp có tướng không thể chứng đắc có tướng. Pháp không tướng không thể chứng đắc có tướng, pháp có tướng không thể chứng đắc không tướng. Do nhân duyên này mọi pháp đều vô sở đắc.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể sớm viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng. Sau khi đã có thể viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng, vị ấy mau chóng nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy lại chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát. Đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, vị ấy tu hành trí Đạo tướng cho đến trí Nhất thiết tướng chứng đắc năm Thân thông dị thực, lại chứng đắc năm trăm tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chứng đắc năm trăm tất cả pháp môn Tam-ma-địa và an trú trong đó, lại có thể chứng đắc bốn sự hiểu biết thông suốt, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Để giáo hóa hữu tình, tuy Đại Bồ-tát này thị hiện lưu chuyển trong các nẻo đường sinh tử nhưng không bị tai họa của nó làm

nhhiêm ô. Như người huyễn hóa tuy thị hiện các việc đi, đứng, nằm, ngồi nhưng thật sự không có các nghiệp qua lại. Đại Bồ-tát cũng vậy, tuy hiện các pháp lợi ích hữu tình nhưng đối với hữu tình và sự kiến lập của họ hoàn toàn vô sở đắc.

Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tên Thiện Tịch tinh chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt, chuyển pháp luân vi diệu, độ vô lượng chúng, giúp họ ra khỏi sinh tử chứng đắc Niết-bàn nhưng không có hữu tình nào có thể kham nhận sự thọ ký quả vị Giác ngộ cao tốt. Lúc ấy Như Lai hóa hiện vị Hóa Phật giúp cho trụ ở đời lâu dài rồi tự xả thọ mạng, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn. Sau khi đã trụ một kiếp, hóa thân của vị Phật ấy thọ ký quả vị Giác ngộ cao tốt cho một Bồ-tát rồi mới nhập Niết-bàn. Hóa thân Phật ấy tuy làm các việc lợi ích hữu tình nhưng không có sở đắc, nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nắm bắt tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các hữu tình. Cũng vậy, là Đại Bồ-tát tuy có tạo tác nhưng đều vô sở đắc.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa nhờ Tịnh giới ba-la-mật-đa này được viên mãn nên vị ấy liền có thể nhận lãnh tất cả Phật pháp và nhờ đó chứng đắc được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng, như ánh chớp, như quáng nắng, như huyễn, như hóa để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng.

Thiện Hiện, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như ảo hóa Đại Bồ-tát liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng.

Thiện Hiện, do biết rõ như thật năm thủ uẩn này không có thật tướng nên Đại Bồ-tát này tu hai loại nhẫn liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Những gì là hai? Đó là An thọ nhẫn và Quán sát nhẫn.

An thọ nhẫn là trong thời gian từ lúc Đại Bồ-tát mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề vi diệu, giả sử tất cả các loài hữu tình

đua nhau đến quở mắng, dùng lời thô ác chửi rửa, lăng nhục, lại dùng gạch đá dao gậy làm hại, lúc ấy, để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa, Bồ-tát này cho đến một niệm hờn giận cũng không sinh khởi, cũng không sinh tâm báo thù, chỉ nghĩ rằng: “Các hữu tình kia thật đáng thương xót, bị phiền não tăng thượng quấy nhiễu trong tâm, không được tự tại, nên họ gây ra nghiệp ác như vậy đối với ta, nay ta không nên tức giận họ.”

Vị ấy lại nghĩ rằng: “Do ta tạo ra các nhóm oan gia nên khiến cho hữu tình kia phát sinh nghiệp ác như vậy đối với ta, chỉ nên tự trách không nên giận người ấy.” Lúc quán sát sâu sắc như vậy Bồ-tát sinh lòng thương xót sâu xa đối với hữu tình ấy. Như vậy gọi là An thọ nhẫn.

Quán sát nhẫn là các Đại Bồ-tát tư duy như vậy: “Các hành như huyễn, hư dối không thật, không được tự tại, cũng như hư không, không có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy đều chẳng thể nắm bắt được, chỉ do phân biệt hư vọng sinh ra, tất cả đều do tự tâm biến hiện ra, ai hủy hoại ta, ai chửi mắng ta, ai lăng nhục ta, ai dùng các loại ngói gạch, dao gậy làm hại ta, ai bị người kia lăng nhục làm hại. Tất cả đều là sự phân biệt hư vọng của tự tâm. Nay ta không nên phát sinh chấp trước. Do tự tánh không và thắng nghĩa không, nên các pháp như vậy hoàn toàn không sở hữu.

Lúc quán sát kỹ như vậy Bồ-tát biết rõ như thật các hành rỗng không vắng lặng, không sinh ý tưởng khác đối với các pháp như vậy gọi là Quán sát nhẫn.

Nhờ tu tập hai loại nhẫn như vậy Đại Bồ-tát này liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Do có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng vị ấy liền đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Thưa Thế Tôn, thế nào là Vô sinh pháp nhẫn. Pháp này đoạn trừ những gì và là trí gì?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do thế lực nên ngay cả pháp ác bất thiện nhỏ cũng không sinh vì thế gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Pháp này làm

cho tất cả phiền não như ngã, ngã sở, mạn... hoàn toàn không sinh, chỉ như thật nhẫn chịu các hành như mộng cho đến như ảo hóa. Pháp nhẫn này gọi là trí do đạt được trí này nên nói là đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Vô sinh pháp nhẫn của Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát có gì sai khác?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, hoặc trí đức, hoặc đoạn đức của bậc Dự lưu cho đến hoặc trí đức hoặc đoạn đức của Độc giác đều là nhẫn của Đại Bồ-tát. Lại có nhẫn của Đại Bồ-tát là nhẫn các pháp hoàn toàn không sinh. Đó là sự sai khác.

Thiện Hiện, ông nên biết, do các Đại Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn thù thắng như vậy nên vượt lên trên tất cả Thanh văn, Độc giác. Các Đại Bồ-tát an trụ vào nhẫn dị thực như vậy đã thực hành Bồ-tát đạo thì có thể viên mãn trí Đạo tướng. Nhờ thành tựu trí Đạo tướng này, vị ấy thường không xa lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng không xa lìa ba pháp môn giải thoát, không xa lìa thần thông dị thực, do không xa lìa thần thông dị thực, vị ấy từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tọa việc ấy rồi, vị ấy dùng một sát-na tương ứng với Bát-nhã để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể mau viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ An nhẫn ba-la-mật-đa này được viên mãn nên vị ấy liền có thể viên mãn tất cả Phật pháp và nhờ đó chứng đắc trí Nhất thiết trí.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 468

Phẩm 75: KHÔNG TẬP (2)

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát an trú trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như quang năng, như huyễn, như hóa. Sau khi đã biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa đều không thật tướng, vị ấy phát sinh dũng mãnh, thân tâm tinh tấn. Nhờ phát sinh thân tâm tinh tấn dũng mãnh, Đại Bồ-tát này phát sinh thần thông thù thắng mau lẹ, có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật ở khắp mười phương, thân cận Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, dùng vô lượng loại phẩm vật vi diệu cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, trồng các căn lành nơi các vị Phật, làm lợi ích an lạc các loài hữu tình, cũng có thể trang nghiêm các cõi Phật.

Nhờ thân tâm tinh tấn, Đại Bồ-tát này đem lại sự thành tựu cho hữu tình, tùy theo căn cơ dùng pháp ba thừa tìm cách an lạc giúp họ đều đạt được cứu cánh.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ thân tâm tinh tấn các Đại Bồ-tát mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa vô tướng. Do Đại Bồ-tát phát sinh tâm tinh tấn dũng mãnh nên làm phát sinh các chi Thánh đạo vô lậu được nhiếp vào Thánh đạo, viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, ở trong đó bao gồm các thiện pháp như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, hoặc Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Nhờ tâm tinh tấn mà các tướng hảo của Đại Bồ-tát này đều được viên mãn. Vị ấy phóng ánh sáng lớn chiếu vô biên thế giới. Nhờ tâm tinh tấn hoàn toàn viên mãn nên vị ấy có thể đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục tất cả tập khí phiền não, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng, làm cho ba ngàn thế giới biến động sáu cách. Các hữu tình trong đó nhờ ánh sáng chiếu đến, thấy sự biến động này, nghe âm thanh chánh pháp, tùy theo căn cơ của họ mà không bị thoái chuyển, hoàn toàn rất ráo đối với đạo Ba thừa. Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Do các việc làm từ Tinh tấn ba-la-mật-đa này nên Đại Bồ-tát này an trú vào Tinh tấn ba-la-mật-đa có thể sớm viên mãn tất cả Phật pháp, sớm chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như quang năng, như huyễn, như hóa để viên mãn Tinh lự ba-la-mật-đa.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa Đại Bồ-tát an trú năm thủ uẩn như mộng cho đến như hóa để viên mãn Tĩnh lực ba-la-mật-đa như thế nào? Nghĩa là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết thật năm thủ uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa rồi nhập vào Tĩnh lực thứ nhất cho đến Tĩnh lực thứ tư, nhập vào Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng, nhập vào định Không vô biên xứ cho đến định Phi tướng phi phi tướng xứ, tu Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện, tu Tam-ma-địa Như điện, tu Tam-ma-địa Kim cang dụ, tu Tam-ma-địa Thánh chánh, trụ vào Tam-ma-địa Kim cang dụ. Trừ tầng định của Như Lai còn đối với các tầng định khác như định của Nhị thừa và các tầng định khác vị ấy có thể nhập vào tất cả và hoàn toàn an trụ trong đó nhưng không tham đắm vị ngọt của các định Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, cũng không mê đắm quả báo của chúng. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này biết rõ như thật các định như Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc và tất cả các pháp đều cùng lấy không tướng, không tánh làm tánh. Chẳng lẽ không tướng say đắm không tướng, chẳng lẽ không tánh say đắm không tánh. Do không say đắm, vị ấy quyết định không theo năng lực của các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc mà sinh vào Sắc giới và Vô sắc giới. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này hoàn toàn vô sở đắc đối với mọi cảnh giới. Đối với người nhập định, định được nhập, lý do nhập định, vị ấy cũng vô sở đắc. Do vô sở đắc đối với tất cả các pháp, Đại Bồ-tát này có thể sớm viên mãn Tĩnh lực ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ Tĩnh lực ba-la-mật-đa này vị ấy vượt khỏi các địa vị Thanh văn, Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này viên mãn các Tĩnh lực ba-la-mật-đa vô tướng, vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác như thế nào?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do học trọn vẹn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh nên Đại Bồ-tát này liền có thể viên mãn Tịch lực ba-la-mật-đa vô tướng, vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác. Đại Bồ-tát này trụ vào các pháp không, hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng thấy có pháp nào lia các pháp không đó. An trú ở trong đó, Đại Bồ-tát này không nắm bắt quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, cũng không nắm bắt các hạnh của Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tốt của Phật. Các pháp không này cũng đều là chân không. Nhờ trụ trong pháp không này, Đại Bồ-tát ấy vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác, chứng nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát lấy gì làm sinh? Lấy gì làm ly sinh?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả pháp có sở đắc làm sinh, lấy tất cả pháp vô sở đắc làm ly sinh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát lấy gì làm có sở đắc và lấy gì làm vô sở đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả các pháp sở đắc, nghĩa là các Đại Bồ-tát lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm sở đắc; lấy nhãn xứ cho đến ý xứ làm sở đắc; lấy sắc xứ cho đến pháp xứ làm sở đắc; lấy nhãn giới cho đến ý giới làm sở đắc; lấy sắc giới cho đến pháp giới làm sở đắc; lấy nhãn thức giới cho đến ý thức giới làm sở đắc; lấy nhãn xúc cho đến ý xúc làm sở đắc; lấy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra làm sở đắc; lấy địa giới cho đến thức giới làm sở

đắc; lấy nhân duyên cho đến tăng thượng làm sở đắc; lấy vô minh cho đến lão tử làm sở đắc; lấy Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm sở đắc; lấy pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm sở đắc; lấy chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm sở đắc; lấy Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm sở đắc; lấy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm sở đắc; lấy ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm sở đắc; lấy bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm sở đắc; lấy tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm sở đắc; lấy bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai làm sở đắc; lấy bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm sở đắc; lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm sở đắc; lấy năm loại mắt, sáu phép thần thông làm sở đắc; lấy mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm sở đắc; lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ làm sở đắc; lấy pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm sở đắc; lấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm sở đắc; lấy quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề làm sở đắc; lấy tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát làm sở đắc; lấy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật làm sở đắc; lấy trí Nhất thiết trí làm sở đắc.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng các pháp môn như vậy làm sở đắc, sở đắc này được gọi là sinh.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày, làm vô sở đắc. Nghĩa là các Đại Bồ-tát dùng pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc cho đến tự tánh của thức đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn xứ cho đến ý xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc xứ cho đến pháp xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn giới cho đến ý giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc giới cho đến pháp giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn thức giới cho đến ý thức giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn xúc cho đến ý xúc làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của địa giới cho đến thức giới là vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của địa giới cho đến

thức giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của vô minh cho đến lão tử làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của vô minh cho đến lão tử đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của năm loại mắt, sáu phép thần thông làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của năm loại

mất, sáu phép thần thông đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của quả vị Giác ngộ cao tột làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của trí Nhất thiết trí làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của trí Nhất thiết trí đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy các pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày như vậy làm vô sở đắc. Vô sở đắc này được gọi là ly sinh. Sau khi chứng nhập địa vị Chánh tánh ly sinh viên mãn tất cả tinh lực, giải thoát đẳng trì, đẳng chí, các Đại Bồ-tát còn không sinh theo năng lực của định hướng là theo phiền não tham, sân, si nếu theo năng lực của phiền não mà sinh thì thật phi lý. Đại Bồ-tát này an trú trong đó tạo nên các nghiệp. Nếu do năng lực của nghiệp, vị ấy lưu chuyển các nẻo đường thì cũng thật phi lý. Tuy trụ trong các hành như huyễn làm lợi ích thật sự cho các hữu tình nhưng Đại Bồ-tát này không nắm bắt huyễn và các hữu tình. Lúc Đại Bồ-tát này vô sở đắc đối với các việc như vậy thì đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật thường không giải đãi.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát có thể mau viên mãn Tĩnh lực ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ Tĩnh lực ba-la-mật-đa này sớm được viên mãn, vị ấy mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, độ các hữu tình, pháp luân như vậy gọi là vô sở đắc.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như ánh nắng, như huyễn, như hóa để viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật tánh tướng của tất cả pháp đều như mộng cho đến như huyễn hóa liền có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa vô tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm sao các Đại Bồ-tát biết rõ như thật tánh tướng của tất cả pháp đều như mộng cho đến như huyễn hóa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát không thấy mộng, không thấy người nằm mộng, không nghe tiếng vang, không thấy người nghe tiếng vang, không thấy bóng dáng, không thấy người thấy bóng dáng, không thấy ảnh và người thấy ảnh, không thấy quán năng và người thấy quán năng, không thấy huyễn và người thấy huyễn, không thấy biến hóa và người thấy biến hóa. Vì sao vậy? Mộng cho đến huyễn hóa đều là chấp trước của phàm phu ngu si điên đảo. Các A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát và các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều không thấy mộng và người thấy mộng cho đến không thấy huyễn hóa và người thấy huyễn hóa. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh, chẳng thành, chẳng thật, vô tướng, vô vi, chẳng thật có tánh, ngang với Niết-bàn. Nếu tất cả pháp lấy không tánh làm tánh cho đến sánh ngang với Niết-bàn thì làm sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phát sinh ý tưởng có tánh, tưởng thành, tưởng thật, tưởng có tướng hữu vi, có thật tánh đối với tất cả các pháp. Nếu vị ấy phát sinh ý tưởng này thì thật phi lý. Vì sao vậy? Nếu tất cả các pháp có chút ít tự tánh, có thành, có thật, có tướng hữu vi, có thật tánh có thể nắm bắt thì pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa đã được tu tập lẽ ra chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát không chấp trước sắc cho đến thức; không chấp trước nhãn xứ cho đến ý xứ; không chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; không chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; không chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không chấp trước địa giới cho đến thức giới; không chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không chấp trước các pháp do nhân duyên sinh ra; không chấp trước vô minh cho đến lão tử; không chấp trước Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không chấp trước các tinh lự, đẳng trì, đẳng chí; không chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không chấp trước ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không chấp trước Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp trước tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; không chấp trước trí Nhất thiết trí. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do không chấp trước đối với tất cả pháp môn như vậy nên Đại Bồ-tát này viên mãn từ Sơ địa cho đến Thập địa thì làm sao có thể phát sinh tham đắm đối với các địa ấy. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này không nắm giữ người làm viên mãn của

Sơ địa cho đến Thập địa thì làm sao có thể phát sinh tham đắm đối với các địa ấy. Tuy thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Do không nắm giữ Bát-nhã ba-la-mật-đa nên vị ấy cũng không nắm giữ tất cả pháp. Tuy quán Bát-nhã ba-la-mật-đa bao gồm tất cả pháp nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không nắm bắt các pháp. Vì sao vậy? Do tất cả pháp cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa này đều không hai, không hai phần. Vì sao vậy? Tánh của tất cả các pháp là không thể phân biệt, gọi là chân như, là pháp giới, là thật tế vì các pháp không xen lẫn không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, nếu tánh của tất cả pháp là không xen lẫn, không sai khác thì vì sao có thể nói đây là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, vì sao có các pháp môn sai khác như vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong thật tánh của tất cả pháp có pháp nào có thể là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, là quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là quả A-la-hán, là Độc giác Bồ-đề, là tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì vậy nên biết tất cả pháp là không xen lẫn, không sai khác, không có tướng, không sinh, không diệt, không ngăn ngại, không nói năng, không chỉ bày.

Thiện Hiện nên biết, khi xưa, lúc tu học Bồ-tát đạo, Ta hoàn toàn không nắm bắt đối với tự tánh các pháp nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nắm bắt nhãn xứ cho đến ý xứ, không nắm bắt sắc xứ cho đến pháp xứ; không nắm bắt nhãn giới cho đến ý giới; không nắm bắt sắc giới cho đến pháp giới; không nắm bắt nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nắm bắt nhãn xúc cho đến ý xúc; không nắm bắt các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nắm bắt địa giới cho đến thức giới; không nắm bắt nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không nắm bắt các pháp do nhân duyên sinh ra; không nắm bắt vô minh cho đến lão tử; không nắm bắt Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không nắm bắt thiện ác, không nắm bắt hữu ký, vô ký, hữu lậu, vô lậu; không nắm bắt thế gian, xuất thế gian, không nắm bắt hữu vi, vô vi; không nắm bắt bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không nắm bắt bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không nắm bắt tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không nắm bắt pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không nắm bắt Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không nắm bắt Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nắm bắt pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không nắm bắt chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không nắm bắt bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không nắm bắt bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không nắm bắt tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không nắm bắt năm loại mắt, sáu phép thần thông; không nắm bắt mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không nắm bắt ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không nắm bắt pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không nắm bắt trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không nắm bắt quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không nắm bắt tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không nắm bắt quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu các Đại Bồ-tát phải học trọn vẹn tự tánh của các pháp. Ai có thể học trọn vẹn tự tánh của các pháp thì có thể làm trong sạch hoàn toàn đại Bồ-đề đạo, cũng có thể viên mãn các hạnh của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, sớm chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp ba thừa làm phương tiện để điều phục các hữu tình, giúp họ không còn bị luân hồi trở lại trong ba cõi, chứng đắc Niết-bàn hoàn toàn an lạc.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên dùng không tướng làm phương tiện để tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

M